

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Nguyễn Thị B Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 435/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A, PVT, khóm B, Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Lâm Văn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số AA, TL38, khóm BB, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị B, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Lâm Văn T tự nguyện chung sống từ ngày 24/8/1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn sống chung là do hai người tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2006, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường tranh cãi do bất đồng quan điểm về mọi mặt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh T và chị B đã ly thân năm 2006 đến nay, tuy hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, tạo cơ hội cho đôi bên nhưng mâu thuẫn quá trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay chị B cảm thấy cuộc sống vợ chồng với anh T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị B xin ly hôn với anh T, việc xin ly hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện.

Về nuôi con chung: Chị B và anh T thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lâm Nhật D, sinh ngày 07/3/1997 và cháu Lâm Nhật T, sinh ngày 13/8/2005. Con chung Lâm Nhật D đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng, cháu Lâm Nhật T đang sống chung với chị B tại Số A, PVT, khóm B, Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Khi ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Lâm Văn T thống nhất xác định, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

- Theo bị đơn anh Lâm Văn T trình bày: Về thời gian chung sống như vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung anh đều thống nhất lời trình bày của chị B và anh cũng đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung là cháu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, lấy ý kiến cháu Lâm Nhật T có nguyện vọng sống chung với chị B. Cháu D đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định nên về tố tụng Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị B và anh T chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị không công nhận chị B và anh T là vợ chồng. Về con chung: Chị B và anh T cùng thống nhất giao cháu T cho chị B nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên đề nghị giao cháu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu. Cháu D đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Đối với tài sản chung anh chị thống nhất không có tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Tòa án không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B và bị đơn anh Lâm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Lâm Văn T cư trú tại Số AA, TL38,

Khóm BB, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, là sự kiện có xảy ra trên thực tế, được hai bên đương sự thừa nhận, nên có cơ sở xác định thời gian sống chung như vợ chồng thực tế giữa anh chị là từ năm 1996 đến nay. Chị B và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Lâm Văn T là vợ chồng.

[2] Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị B và anh Lâm Văn T thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lâm Nhật D, sinh ngày 07/3/1997 và cháu Lâm Nhựt T, sinh ngày 13/8/2005, cháu T đang sống chung với chị B tại Số A, PVT, khóm B, Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Cháu D đã trưởng thành trên 18 tuổi không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị B và anh T thống nhất giao cháu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị B không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy các đương sự đã thống nhất không có tranh chấp về vấn đề nuôi dưỡng con chung, cháu Lâm Nhựt T có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên giao cháu T cho chị Nguyễn Thị B là phù hợp. Tòa án không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do người trực tiếp nuôi con chung là chị B không đặt ra yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Lâm Văn T xác định tự thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung cũng không ai nợ anh chị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Như đã nhận định trên chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Lâm Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lâm Nhựt T, sinh ngày 13/8/2005 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (hiện cháu T đang sống với chị B được giữ nguyên). Anh Lâm Văn T không phải cấp dưỡng do chị B không yêu cầu. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc con chung người không trực tiếp nuôi con. Cháu Lâm Nhật D, sinh ngày 07/3/1997 đã trưởng thành trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chị B và anh T tự thống nhất không có tài sản chung; về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007373 ngày 07/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

Án xử công khai, chị B, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Tuyết Anh